UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc

Số: 82 /KH-KHCN

Bắc Giang, ngày 10 *tháng 8 năm 2020*

KẾ HOẠCH
Đầu tư công năm 2021

Thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Công văn số 5006/BKHĐT-TH ngày 04/8/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về xây dựng kế hoạch năm 2021; Công văn số 3445/UBND-TH ngày 06/8/2020;

Căn cứ Công văn số 1949/SKHĐT-THQH ngày 06/8/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc lập kế hoạch đầu tư công năm 2021.

Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2021, cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020

Năm 2020, Sở KH&CN thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản quản lý về KH&CN trên địa bàn tỉnh; tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức của nhân dân về KH&CN. Tập trung chuyển giao, ứng dụng các thành tựu KH&CN vào sản xuất và đời sống, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hoá, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Cùng với việc tham mưu ban hành các văn bản quản lý, Sở KH&CN tích cực đề xuất các nội dung, dự án đầu tư công. Tuy nhiên, trong năm 2020 Sở Khoa học và Công nghệ không được cấp có thẩm quyền giao thực hiện các dự án đầu tư công.

II. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

Mặc dù đã được các cấp quan tâm đầu trư cơ sở vật chất, trang thiết bị; tuy nhiên, hiện nay cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục cho nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao KH&CN còn hạn chế, đó là: Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ là đơn vị thuộc Sở chưa hiện tại mặt bằng nhà xưởng xuống cấp, các trang thiết bị đầu tư chưa đồng bộ để phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Xuất phát từ những hạn chế nêu trên, Sở KH&CN xây dựng kế hoạch Đầu tư công năm 2021 với tổng kinh phí là: **20.387,6** triệu đồng, gồm các dự án như sau:

1. Dự án: Nâng cấp, cải tạo mặt bằng nhà xưởng, nhà làm việc, lắp đặt thiết bị của Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ

- Mục tiêu: Đầu tư, cải tạo khu lưu giữ, bảo tồn nguồn gen cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật có giá trị phục vụ công tác bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn nguồn

gen đặc hữu; nâng cấp hệ thống nhà xưởng, khu giới thiệu sản phẩm KH&CN, khu nhà làm việc của Trung tâm.

- Quy mô: Đầu tư, cải tạo, xây dựng lưu giữ, bảo tồn nguồn gen cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật, cải tạo và nâng cấp khu nhà xưởng, nhà làm việc của Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ.

- Tổng mức đầu tư: 8.000 triệu đồng

2. Dự án: Nâng cấp và phát triển sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến tỉnh Bắc Giang

- Mục tiêu: Phát triển sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến tỉnh Bắc Giang

- Quy mô: Nâng cấp, phát triển sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến tỉnh Bắc Giang (batex.vn) theo mô hình sàn thương mại điện tử B2B chuyên về công nghệ và thiết bị; Xây dựng Điểm kết nối cung - cầu công nghệ tại Bắc Giang.

- Tổng mức đầu tư: 2.000 triệu đồng

3. Dự án: Đầu tư trang thiết bị mở rộng khả năng kiểm định, đo lường, thử nghiệm

- Mục tiêu: Mở rộng khả năng kiểm định, đo lường, thử nghiệm

- Quy mô: Đầu tư hệ thống trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động trong lĩnh vực kiểm định, đo lường, thử nghiệm

- Tổng mức đầu tư: 10.387,6 triệu đồng

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Trên đây là kế hoạch đầu tư công năm 2021 của Sở KH&CN gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Lưu: VT, KHTC.

Bản điện tử:
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- phong_thqh_skhdt@bacgiang.gov.vn;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH BẮC GIANG

Nguyễn Thanh Bình

Phụ lục I

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-KHCN ngày /8/2020 của Sở KH&CN)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Nhu cầu vốn năm 2021	Ghi chú
I	**Dự án: Nâng cấp, cải tạo mặt bằng nhà xưởng, nhà làm việc, lắp đặt thiết bị của Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ**				**8.000**	
1	Khu lưu giữ, bảo tồn nguồn gen cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật có giá trị phục vụ công tác bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn nguồn gen đặc hữu				2.500	
2	Nâng cấp nhà lưới số 1, số 2				1.500	
3	Cải tạo mặt bằng, nhà xưởng, khu giới thiệu sản phẩm KH&CN, khu nhà làm việc của Trung tâm				4.000	
II	**Dự án: Nâng cấp và phát triển sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến tỉnh Bắc Giang**				**2.000**	
III	**Dự án: Đầu tư trang thiết bị mở rộng khả năng kiểm định, đo lường, thử nghiệm**				**10.387,6**	
1	Bàn tạo áp suất chân không dải thấp từ -0.95 bar đến 60 bar kèm phụ kiện	chiếc	1	53,7	53,7	
2	Bộ thiết bị kiểm định phương tiện đo điện trở cách điện, phương tiện đo điện trở tiếp đất	chiếc	1	505	505	
3	Thiết bị kiểm định đồng hồ nước lạnh đường kính DN15-50 mm tích hợp bộ điều khiển mức nước tự động	chiếc	1	710	710	
4	Bộ thiết bị kiểm định hiệu chuẩn phương tiện đo thử độ bền kéo nén	bộ	1	985	985	
5	Bộ thiết bị chuẩn lực kéo nén dải nhỏ	bộ	1	164	164	

6	Bộ thiết bị hiệu chuẩn, kiểm định phương tiện đo mô men lực	bộ	1	590	590	
7	Bộ thiết bị kiểm định đồng hồ vạn năng	bộ	1	532	532	
8	Bộ phan tom chuẩn kiểm định máy X Quang Răng, máy CT răng	bộ	1	432	432	
9	Bộ phantom chuẩn kiểm định máy chụp X Quang vú	bộ	1	395	395	
10	Bộ thiết bị đo tải trọng thử điện tử từ 2 đến 50 tấn, xuất xứ Mỹ	bộ	1	1085	1.085	
11	Máy đo vận tốc dài, vận tốc vòng quay Xuất xứ : Pháp	chiếc	1	23	23	
12	Máy đo dòng điện và hiệu điện thế Xuất xứ : Nhật bản	chiếc	1	36	36	
13	Thiết bị đo cường độ ánh sáng Xuất xứ : Đài loan	chiếc	1	36,5	36,5	
14	Thiết bị đo tốc độ gió /nhiệt độ và độ ẩm chính xác cao Xuất xứ : Châu Âu	chiếc	1	102,7	102,7	
15	Máy đo ồn có phân tích dải tần Xuất xứ : Châu Âu	chiếc	1	148	148	
16	Thiết bị đo nhiệt độ hồng ngoại không tiếp xúc Xuất xứ : Châu Âu/Trung quốc	chiếc	1	30	30	
17	Máy kinh vỹ điện tử Xuất xứ : Châu Á	chiếc	1	133	133	
18	Máy thủy bình Xuất xứ : Châu Á	chiếc	1	29	29	
19	Bộ dụng cụ đo độ dài, đo đường kính, đo chu vi,…	chiếc	1	107	107	
20	Bơm áp lực điều khiển điện dải trung đến 40 bar	chiếc	1	30,5	30,5	
21	Bơm thử áp lực điều khiển điện dải cao đến 70 bar	chiếc	1	135	135	
22	Máy rò khí Gas lạnh	chiếc	1	15	15	
23	Máy rò khí Gas hóa lỏng	chiếc	1	15	15	
24	Thiết bị siêu âm đo bề dầy vật liệu sử dụng công nghệ MultiEcho	chiếc	1	150	150	
25	Máy nội soi chuẩn đoán khuyết tật đường ống, bề mặt bồn bể chứa	chiếc	1	140,6	140,6	

26	Bộ dụng cụ kiểm tra khuyết tật bề mặt kim loại bằng phương pháp từ tính và thẩm thấu	chiếc	1	200	200	
27	Máy siêu âm kiểm tra khuyết tật kim loại không phá hủy	chiếc	1	520	520	
28	Bộ thiết bị, dụng cụ phụ trợ phục vụ khám xét chuẩn đoán đường ống dẫn hơi nước, nước nóng, hệ thống lạnh và nồi hơi	chiếc	1	30	30	
29	Bộ thiết bị kiểm định van an toàn kèm phụ kiện	bộ	1	150	150	
30	Các thiết bị dụng cụ phụ trợ khác phục vụ kiểm tra kỹ thuật an toàn	bộ	1	60	60	
31	Thiết bị lấy mẫu bụi, khí lưu lượng lớn	chiếc	1	322	322	
32	Thiết bị lấy mẫu bụi PM10 (bộ kít PM2.5)	chiếc	1	210	210	
33	Thiết bị đo độ rung	chiếc	1	119	119	
34	Máy đo độ ồn tích phân kèm theo bộ chuẩn ồn	chiếc	1	91	91	
35	Máy đo pH, nhiệt độ cầm tay	chiếc	1	32,2	32,2	
36	Máy đo chất lượng nước đa chỉ tiêu (pH, ORP, EC, TDS, nhiệt độ)	chiếc	1	126	126	
37	Máy đo DO cầm tay	chiếc	1	63	63	
38	Máy đo độ đục cầm tay	chiếc	1	91	91	
39	Thiết bị phân tích kim loại nặng hiện trường	chiếc	1	120,4	120,4	
40	Thiết bị lấy mẫu khí thải và mẫu bụi ống khói theo Isokinetic phù hợp theo tiêu chuẩn EPA cho lấy mẫu ống khói	chiếc	1	1190	1190	
41	Đào tạo, kiểm định, công nhận năng lực kiểm định:					
	Chi phí đào tạo kiểm định viên đo lường				50	
	Chi phí đào tạo kiểm định viên an toàn				60	
	Chi phí đào tạo thử nghiệm viên lĩnh vực hóa				100	

	Chi phí thử nghiệm thành thạo, đánh giá liên phòng				30	
	Chi phí xin công nhận chứng nhận năng lực kiểm định, hiệu chuẩn				10	
	Chi phí xin công nhận chứng nhận khả năng phân tích quan trắc môi trường				150	
	Chi phí xin công nhận khả năng kiểm định thiết bị an toàn				60	
	Chi phí xin mở rộng khả năng kiểm định, hiệu chuẩn				20	
	Tổng cộng:				**20.387,6**	

Số tiền bằng chữ: Hai mươi tỷ ba trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng./.